THỰC TRẠNG QUAN HỆ KINH TẾ EU - ĐÔNG Á

*Trần Mạnh Tảo**

Trước thập kỷ 1990, mối quan hệ EU- Đông Á chủ yếu dừng lại ở quan hệ song phương giữa EU với từng nước Đông Á. Tuy nhiên, kể từ thập kỷ 1990 cho đến nay, quá trình liên kết khu vực ngày càng sâu ở Đông Á đang khiến khu vực này tăng tiếng nói và vị thế trong cán cân quyền lực chính trị và kinh tế thế giới. Cũng chính vì vậy, mối quan hệ của EU với Đông Á ngày càng mang quy mô liên khu vực, có tính chất chiến lược hơn vì lợi ích chung của cả hai phía. Quan hệ kinh tế EU- Đông Á kể từ sau chiến tranh Lạnh cho đến nay có một số chiều hướng thay đổi, từ quan hệ kinh tế song phương chuyển dần sang mối quan hệ đối tác liên khu vực và đa phương.

1. Thực trạng quan hệ kinh tế EU- ASEAN

ASEAN là đối tác kinh tế quan trọng ở khu vực châu Á của EU. Mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai khu vực này ngày càng được mở rộng. Tỷ trọng của ASEAN trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của EU đã tăng từ 3% năm 1980 lên 6,5% năm 1996 và 4,24% năm 2005 (khi EU mở rộng thành 25 nước thành viên). Về nhập khẩu, tỷ trọng của ASEAN trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU tăng từ 2,5% năm 1997 lên 6,01% năm 2005 (bảng 1). Trong quan hệ thương mại với EU, ASEAN hiện là đối tác nhập khẩu lớn thứ 5 của EU sau Mỹ, Trung Quốc, Nga và Nhật Bản.

Trong khi ASEAN luôn duy trì vị trí thứ 5 trong mối quan hệ thương mại của EU với thế giới bên ngoài, thì EU có vai trò quan trọng hơn nhiều ở ASEAN. EU hiện là đối tác thương mại lớn thứ hai của ASEAN, sau Mỹ. Về xuất khẩu, EU luôn chiếm 12-13% tổng kim ngạch xuất khẩu của ASEAN kể từ năm 2001 cho đến nay, tuy thấp hơn tỷ trọng của Mỹ trong khu vực này, nhưng lại cao hơn Nhật Bản. Về nhập khẩu, trong giai đoạn 2001- 2004 EU luôn chiếm khoảng 12% nhập khẩu của ASEAN, đứng vị trí thứ ba sau Nhật Bản và Mỹ. Vào năm 2006, EU chiếm tới 11,7% kim ngạch thương mại của ASEAN, trong đó EU vẫn duy trì vị trí là điểm đến xuất khẩu lớn thứ 2 của ASEAN, chiếm 13% tổng kim ngạch xuất khẩu của khu vực này. Kể từ năm 2000 đến nay, tốc độ tăng thương mại hai chiều EU- ASEAN là khoảng 4%/năm và vào năm 2006 thương mại hai chiều EU-ASEAN chiếm 5% tổng kim ngạch thương mại của thế giới. Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của ASEAN sang EU là máy móc và thiết bị

* Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

vận tải, hoá chất, dệt và may mặc. Những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của ASEAN từ EU hiện nay là sản phẩm hoá chất, máy móc và thiết bị vận tải. Trong quan hệ thương mại hai chiều, EU luôn ở vị trí nhập siêu. Năm 2005, EU nhập siêu trị giá 25 tỷ Euro từ ASEAN. Những mặt hàng chịu thâm hụt thương mại cao nhất của EU là thiết bị viễn thông, sản phẩm nông nghiệp, dệt may.

Bảng 1: Thương mại hàng hoá của EU với ASEAN (triệu Euro)

Năm	Nhập khẩu	Tỷ lệ của ASEAN trong tổng nhập khẩu của EU	Xuất khẩu	Tỷ lệ của ASEAN trong tổng xuất khẩu của EU	Cán cân thương mại
2001	70.791	7,20	43.842	4,91	-26.949
2002	67.731	7,19	40.513	4,50	-27.218
2003	65.770	6,99	39.247	4,47	-26.523
2004	69.084	6,69	42.880	4,45	-26.204
2005	70.520	6,01	44.888	4,24	-25.632

Nguồn: Directorate General (DG) Trade, Brussels, 3/2006

Tiềm năng kinh tế và những thành tựu phát triển kinh tế của ASEAN thời gian qua khiến khu vực này là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI của thế giới, trong đó chủ yếu bao gồm các nguồn vốn từ châu Âu (EU), châu Á (Nhật Bản, NIEs, đầu tư nội khối ASEAN) và Mỹ. Trong giai đoạn 2003-2005, giá trị vốn FDI vào ASEAN trung bình đạt 5,1 tỷ Euro/năm. Trong giai đoạn 2001-2005, EU trở thành nhà đầu tư lớn nhất của ASEAN, chiếm 27% tổng FDI của khu vực này, trong khi Mỹ chiếm 15%. Vị trí của Nhật Bản trong tổng FDI của ASEAN hơn một thập kỷ qua đã giảm nhiều để nhường chỗ cho EU và Mỹ. Xingapo là điểm đến quan trọng nhất của các dòng vốn FDI trên thế giới, trong đó có EU. Năm 2005, Xingapo chiếm 62% tổng FDI của EU vào ASEAN, 55% tổng FDI của Mỹ vào ASEAN và 33% tổng FDI của Nhật Bản vào ASEAN. Đối tác đầu tư lớn thứ 2 của EU ở ASEAN là Brunây (chiếm 11%), tiếp theo là Thái Lan (6%), Malaixia và Inđônêxia (mỗi nước 5%), Việt Nam (4%), Mianma (3%), Philippin (2%).

Tầm quan trọng của quan hệ kinh tế-thương mại EU- ASEAN bắt đầu được nâng cao từ sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997. Năm 2000, các vấn đề thương mại và đầu tư bắt đầu được thảo luận ở cấp Bộ trưởng Kinh tế EU-ASEAN và ở các cuộc họp kinh tế giữa Uỷ ban châu Âu và ASEAN. Hai bên đều nhận thức được những trở ngại, thách thức trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế liên khu vực, đặc biệt là vấn đề hàng rào phi thuế quan liên quan đến ngành nông nghiệp. Hàng rào phi thuế quan được áp dụng dưới nhiều hình thức khác nhau. Đối với các nước ASEAN, hàng rào phi thuế quan mà EU áp dụng chủ yếu liên quan đến vấn đề tiêu chuẩn kỹ thuật và những yêu cầu về mẫu mã, chất lượng an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh, tiêu chuẩn môi trường, những điều kiện về lao động và các vấn đề xã hội. Đối với các nước EU, vấn đề khó tiếp cận thị trường ASEAN nhất là những hạn chế trong ngành dịch vụ do những can thiệp chính sách để bảo hộ ngành công nghiệp có lựa chọn của các chính phủ. Tuy các nước ASEAN không có những rào cản tương tự nhau trong ngành dịch vụ, nhưng điều này cũng gây không ít khó khăn trong quan hệ thương mại- đầu tư của EU với khu vực này. Ngoài ra, các

nhân tố khác gây cản trở EU quan hệ kinh tế- thương mại với ASEAN là tính chất rườm rà của các thủ tục hành chính, năng lực quản lý các hoạt động kinh tế của các chính phủ còn thấp, sự ổn định thấp của các biện pháp điều tiết kinh tế, thủ tục thuế quan rườm rà mà các nước ASEAN đang áp dụng như giấy phép nhật khẩu, quota, hàm lượng nội địa hoá, trợ cấp xuất khẩu...

Để giải quyết những khó khăn, hạn chế trong quan hệ kinh tế ASEAN-EU, "Sáng kiến thương mại liên khu vực EU-ASEAN" (TREATI) đã được đề ra vào năm 2003, nhằm mục đích đối thoại và hợp tác phát triển mối quan hệ thương mại của EU với ASEAN. Những ưu tiên chính trong lĩnh vực hợp tác của TREATI là thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa hợp tác kinh tế, thương lượng về các vấn đề tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn của các sản phẩm nông nghiệp, lương thực thực phẩm, thuỷ sản, tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp và các hàng rào kỹ thuật liên quan đến thương mại, sản phẩm gỗ. Các vấn đề tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại và hợp tác đầu tư cũng được TREATI xác định rõ ràng và tìm giải pháp tháo gỡ. TREATI được dựa trên cơ sở trao đổi kinh nghiệm phát triển, cam kết từng bước về việc thực hiện các biện pháp giải quyết khó khăn giữa hai khu vực. Trong giai đoạn 2008-2009, EU sẽ cùng với Ban thư ký ASEAN tiến hành các cuộc hội thảo với những chủ đề như: hợp tác kinh tế khu vực, tự do hoá ngành dịch vụ, rào cản kỹ thuật đối với thương mại và đầu tư....

Thành tựu nổi bật trong quan hệ kinh tế EU- ASEAN là việc đàm phán ký kết FTA liên khu vực. Sáng kiến thiết lập một FTA liên khu vực được các quan chức EU và ASEAN đưa ra từ tháng 4 năm 2005 nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác hai bên. Tháng 10 năm 2006, Uỷ ban châu Âu đã ban hành chính sách "Châu Âu toàn cầu, cạnh tranh trong thế giới", trong đó ASEAN được xác định là một đối tác chiến lược để EU ký kết FTA. Vào ngày 23 tháng 4 năm 2007 Uỷ ban châu Âu bắt đầu tiến hành đàm phán ký FTA với ASEAN. Tại cuộc họp các bộ trưởng kinh tế EU-ASEAN tổ chức ở Brunây ngày 4 tháng 5 năm 2007 EU và ASEAN đã công bố chính thức đàm phán ký FTA. Quá trình đàm phán sẽ diễn ra trong khuôn khổ liên khu vực để nhận thức những tương đồng và khác biệt về trình độ phát triển và năng lực của từng nước thành viên ASEAN, từ đó đi đến những bước đánh giá tác động đối với hai phía, tiến hành các biện pháp đàm phán và ký kết FTA trong tương lai.

Trong nhiều thập kỷ qua, mối quan hệ kinh tế- thương mại EU- ASEAN vẫn chỉ tập trung vào từng nước riêng lẻ hơn là tập trung vào hai khối. Trong khối ASEAN, Xingapo, Thái Lan và Malaixia đóng vai trò quan trọng nhất đối với EU. Trừ Xingapo, trong những năm gần đây phần lớn các nước ASEAN đều đạt thặng dư thương mại rất lớn với EU. Điều đó thể hiện giữa hai khối EU và ASEAN đang có những khác biệt rất lớn về trình độ phát triển, mức độ bổ sung cơ cấu sản phẩm giữa hai phía còn thấp, vì vậy rất khó thúc đẩy sâu hơn nữa thương mại liên khu vực. FTA ra đời là một dấu hiệu cho thấy quan hệ thương mại EU- ASEAN đã đến lúc phải nâng cao ở mức độ liên khu vực. FTA mong muốn thúc đẩy sâu hơn nữa thương mại EU-ASEAN, nhằm bổ sung cơ cấu kinh tế lẫn nhau, mở rộng sản xuất đầu tư liên khu vực, tận dụng những lợi thế của mạng lưới sản xuất toàn cầu. Theo ông Phillipe Meyer- thành viên của Cao uỷ thương mại EU- thì những lợi ích từ FTA

giữa ASEAN và EU sẽ rất lớn, có thể tạo thêm tới 40% về lợi ích kinh tế, những nước EU có lợi ích từ tự do hoá sẽ chiếm đến 70% và các quốc gia ASEAN có thể tăng thêm 2,2% GDP của họ[1]. Thách thức lớn nhất trong quá trình hình thành FTA EU-ASEAN là làm sao dung hoà một quan điểm chung khi tiếp cận đàm phán FTA, bởi vì trong nội khối ASEAN có sự khác nhau về trình độ phát triển và có những mối quan tâm lợi ích khác nhau, khó đi đến một sự nhân nhượng hợp lý, vì lợi ích chung của toàn khu vực.

2. Thực trạng quan hệ kinh tế của EU với Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

Quan hệ kinh tế EU với 3 nước Đông Bắc á được thúc đẩy thông qua mối quan hệ song phương và thông qua ASEM. Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là ba nước có những sức mạnh kinh tế lớn và mỗi nước có một cách thức khác nhau để nâng cao vị thế của mình trong khu vực Đông Á và trong tiến trình hợp tác Đông Á theo cơ chế 10+3. Vì vậy, mối quan hệ của EU với từng nước Đông Bắc Á là mối quan hệ mang tính đối tác chiến lược, vì lợi ích của cả hai phía và vì lợi ích chung của hai khu vực EU và Đông Á.

- Quan hệ kinh tế EU- Trung Quốc

Sự nổi lên của nền kinh tế Trung Quốc thời gian gần đây khiến nước này đang trở thành một thị trường lớn trên thế giới. Mối quan hệ kinh tế EU- Trung Quốc cũng chính vì vậy đang phát triển ngày càng mạnh mẽ. Kể từ năm 1978 khi Trung Quốc tiến hành cải cách và mở cửa nền kinh tế cho đến nay, kim ngạch thương mại hai chiều EU- Trung Quốc đã tăng lên hơn 60 lần và đạt 254 tỷ Euro vào năm 2006.

Từ giữa thập kỷ 1990 cho đến nay, mối quan hệ kinh tế EU- Trung Quốc bước sang thời kỳ mới. Năm 1998, hai bên đã xây dựng mối quan hệ đối tác mang tính chất xây dựng; năm 2001 hai bên đã nâng mối quan hệ đối tác mang tính xây dựng lên quan hệ đối tác toàn diện; năm 2003 hai bên đã nâng mối quan hệ này thành mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Hiện nay, Trung Quốc và EU đã có chính sách phát triển mối quan hệ song phương lâu dài, ổn định, toàn diện và hiệu quả. Vào năm 2006, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của EU. Nhập khẩu hàng hoá từ Trung Quốc tăng trung bình 21%/năm, đạt 191 tỷ Euro năm 2006, trong khi .xuất khẩu hàng hoá của EU sang Trung Quốc tăng trung bình 22,5%/năm và đạt 63 tỷ Euro năm 2006. Nếu như vào thập kỷ 1980, EU luôn ở vị trí thặng dư thương mại với Trung Quốc, thì ngày nay EU luôn ở vị trí thâm hụt thương mại lớn với Trung Quốc. Năm 2006, thâm hụt thương mại của EU đối với Trung Quốc đạt 128 tỷ USD. Vào năm 2005, Trung Quốc trở thành nước đứng thứ hai trong số 178 nước được hưởng Cơ chế ưu đãi của Hệ thống Ưu đãi phổ cập (GSP) của EU, trong đó EU cam kết trợ giúp những ưu đãi thương mại tự động đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước đang phát triển.

EU hiện đang vượt Mỹ và Nhật Bản để trở thành bạn hàng lớn nhất của Trung Quốc, đồng thời là nhà đầu tư quan trọng và là bên cung ứng kỹ thuật, thiết bị lớn nhất cho Trung Quốc. Đến cuối năm 2004, Trung Quốc đã nhập từ EU 19.008 hạng mục kỹ thuật; EU có 19.738 công ty đầu tư vào Trung Quốc với trị giá vốn đầu tư đăng ký là khoảng 75,38 tỷ USD và vốn đầu tư thực hiện là khoảng 42,52 tỷ USD. Năm 2005, EU và Trung Quốc đã ký kết Nghị định thư về hợp tác dịch vụ lao động,

[1] Phát biểu của các thành viên thuộc Cao uỷ thương mại EU về thành tựu 30 năm quan hệ ASEAN-EU; theo www.vneconomy.vn , ngày 19/11/2007.

phát triển hàng không vũ trụ, phát triển công nghệ sinh học, hợp tác phát triển giao thông đường thuỷ. Mối quan hệ thương mại - đầu tư vì thế đang ngày càng mở rộng cả về chiều rộng và chiều sâu.

Trong lĩnh vực hợp tác kỹ thuật, kể từ giữa thập kỷ 1990 EU đã hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho Trung Quốc trong các vấn đề cải cách kinh tế, tập trung chủ yếu vào việc giúp Trung Quốc nâng cao năng lực thể chế. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, EU đã cam kết cùng Trung Quốc đẩy nhanh mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và chia sẻ những kinh nghiệm trong WTO. Chương trình hợp tác chủ yếu giữa EU và Trung Quốc để hỗ trợ Trung Quốc gia nhập WTO được ban hành vào tháng 1 năm 2004. Với nguồn vốn là 15 triệu Euro từ EU và 5 triệu Euro từ Trung Quốc, một chương trình tư vấn kỹ thuật 5 năm đầu gia nhập WTO đã được thành lập nhằm giúp Trung Quốc thực hiện hiệu quả các cam kết trong WTO. Ngoài kỹ thuật tư vấn gia nhập WTO, EU và Trung Quốc còn ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác phát triển công nghệ than sạch; xúc tiến mở rộng mối quan hệ trong ngành hàng không vũ trụ, thành lập lò thử nghiệm về phản ứng nhiệt hạch, tiến hành hợp tác hạng mục kỹ thuật không gian thông qua "kế hoạch Galilê" nhằm xây dựng hệ thống vệ tinh định vị toàn cầu tiên tiến nhất thế giới.

Mặc dù mối quan hệ kinh tế EU- Trung Quốc đang phát triển theo chiều hướng thuận lợi, nhưng vẫn tồn tại một số vấn đề. Trung Quốc là một thị trường lớn, nhưng đầu tư nước ngoài của EU vào Trung Quốc lại rất chậm chạp, không theo kịp "cơn sốt" đầu tư đang diễn ra hiện nay ở Trung Quốc. FDI của EU vào Trung Quốc mới chỉ tập trung chủ yếu ở một số nước như Anh, Đức, Pháp, Italia, Tây Ban Nha... và chỉ chiếm từ 0,3-1,5 tổng FDI của họ. Nguyên nhân chính là do các nước EU vẫn gặp phiền phức bởi các thủ tục hành chính ở Trung Quốc và cơ chế điều tiết phức tạp của chính phủ. Trong quan hệ thương mại, EU vẫn áp dụng các hàng rào phi thuế quan đối với hàng hoá của Trung Quốc, đặc biệt là các biện pháp chống bán phá giá, tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm. Sự xuất hiện ngày càng ồ ạt hàng hoá giá rẻ *made in China* của Trung Quốc khiến EU phải áp dụng "hàng rào xanh" với những tiêu chuẩn khắt khe về kỹ thuật sản phẩm khiến mối quan hệ thương mại EU- Trung Quốc còn gặp nhiều trở ngại. Mặc dù không có những xung đột lợi ích nghiêm trọng trong quan hệ kinh tế hai bên, nhưng sự kỳ thị đối với hàng hoá Trung Quốc ở các nước EU khiến mối quan hệ kinh tế hai bên bị ảnh hưởng không nhỏ. Năm 2005, Trung Quốc và EU đã phải trải qua rất nhiều cuộc đàm phán vất vả trong vấn đề nhượng bộ hạn ngạch hàng dệt may và cả hai đã đạt được một hiệp định trong vấn đề này, tranh được một cuộc chiến tranh thương mại hai phía, đồng thời đánh dấu một kinh nghiệm thành công về giải quyết tranh chấp thương mại giữa EU và Trung Quốc.

Trong quan hệ với Trung Quốc, EU cũng đang nỗ lực tăng cường sự hợp tác thông qua các cuộc gặp gỡ song phương và các diễn đàn đa phương như ASEM, ARF... Trong các diễn đàn này, EU đã giành cho Trung Quốc nhiều điều kiện ưu đãi để phát triển kinh tế thị trường, mở rộng thương mại đầu tư Trung Quốc- EU, cùng Trung Quốc có những cuộc đối thoại về an ninh khu vực, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm soát vũ trang, không phổ biến vũ khí hạt nhân, các cuộc xung đột an ninh đường biển... EU nhận định rằng, thâm nhập vào Trung Quốc là con đường dễ dàng nhất để EU có thể tham gia vào

châu Á. Để thực hiện mục đích đó, EU nỗ lực ủng hộ Trung Quốc trong các vấn đề hợp tác khu vực và tiểu khu vực như hợp tác Đông Á, hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông, hợp tác Trung Quốc- ASEAN, tích cực giúp Trung Quốc gia nhập WTO và đẩy nhanh quá trình thực hiện nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc. Các chính sách thương mại của EU đối với Trung Quốc cũng luôn thực hiện theo hướng tôn trọng chủ quyền và nguyên tắc của nhau, cùng thực hiện đúng theo những cam kết của hệ thống thương mại đa phương. Việc thúc đẩy nhanh quan hệ kinh tế, chính trị và quân sự với Trung Quốc đang giúp EU từng bước mở cửa thị trường châu Á, tăng cường sức mạnh của mình ở Trung Quốc và cùng cạnh tranh với các đối thủ khác trên thế giới trong thị trường châu Á. Trong điều kiện hiện nay, việc đẩy nhanh hợp tác EU- Trung Quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng, giúp cả hai bên lợi dụng được lẫn nhau và tăng cường phát triển mối quan hệ để phục vụ lợi ích của mình, cùng nhau kiềm chế chiến lược độc chiếm thế giới của Mỹ, thúc đẩy thế giới phát triển theo hướng đa cực.

- Quan hệ kinh tế EU- Nhật Bản

Quan hệ kinh tế song phương EU- Nhật Bản bắt đầu phát triển mạnh mẽ thông qua Tuyên bố chung năm 1991 nhằm mở rộng quan hệ hợp tác, chia sẻ những mối quan tâm chung vì lợi ích của hai phía, cùng nhau giải quyết những thách thức chung như vấn đề môi trường, vấn đề già hoá xã hội, vấn đề nhân quyền.... Tuy nhiên, Tuyên bố chung năm 1991 mới chỉ đánh dấu mối quan hệ EU- Nhật Bản mang tính chất quan hệ đối thoại. Sự suy thoái kéo dài của nền kinh tế Nhật Bản trong thập kỷ 1990 đã ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ kinh tế Nhật Bản- EU, làm giảm mức cầu đối với hàng hoá từ EU và khiến cán cân thương mại hai phía mất cân đối. Sau Hội nghị thượng đỉnh EU- Nhật Bản được tổ chức vào năm 2000, mối quan hệ kinh tế hai phía bắt đầu được tăng cường trở lại. Tại Hội nghị thượng đỉnh EU- Nhật Bản lần thứ 10 tổ chức ở Brussels Bỉ tháng 12 năm 2001, hai bên đã tuyên bố thực hiện Kế hoạch hành động 10 năm, nâng tầm mối quan hệ EU- Nhật Bản lên mối quan hệ đối tác. Tại Hội nghị thượng đỉnh EU- Nhật Bản năm 2004, Nhật Bản và EU đã nâng mối quan hệ hai phía trở thành mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững. Trong quan hệ kinh tế, cả hai bên nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác thương mại- đầu tư song phương vì sự thịnh vượng chung của cả hai phía. Hai bên đã thiết lập một Khung khổ hợp tác nhằm thúc đẩy đầu tư hai chiều, ưu tiên các lĩnh vực như hình thành các quy chế điều hành mới, củng cố tính trong sáng của hệ thống luật pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân người nước ngoài, đối thoại về quyền sở hữu trí tuệ, đối thoại về vấn đề thu mua của chính phủ, củng cố quan hệ đối tác giữa ngành tư nhân và ngành công cộng. Trong Hội nghị thượng đỉnh năm 2005 tổ chức ở Luxembourg vào tháng 5, cựu Thủ tướng Koizumi đã khởi động lại mong muốn muốn thúc đẩy quan hệ đầu tư hai phía, tiếp tục đẩy mạnh hợp tác vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và vấn đề thu mua của chính phủ. Những vấn đề này tiếp tục được đề cập và cải thiện trong Hội nghị thượng đỉnh năm 2006.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, EU và Nhật Bản đã ký kết hai hiệp định quan trọng. Một là, "Hiệp định công nhận lẫn nhau EU- Nhật Bản", ký ngày 1/1/2002, cho phép các bên chấp nhận những điều chỉnh của bên kia trong 4 lĩnh vực sản phẩm (thiết bị viễn thông hoàn chỉnh và thiết bị radio, sản phẩm điện, các hoạt

động thí nghiệm đối với hoá chất, các hoạt động thí nghiệm sản xuất đối với hàng dược phẩm), và từng bước tạo điều kiện thuận lợi để tiếp cận thị trường. Hai là, "Hiệp định hợp tác các hoạt động chống lại cạnh tranh", ký ngày 16 tháng 6 năm 2003, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại và đầu tư bằng các biện pháp đảm bảo cạnh tranh công bằng.

Nhờ những nỗ lực đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác kinh tế như trên, quan hệ thương mại EU- Nhật Bản ngày càng được cải thiện. Nếu như trong năm 2000- 2001, xuất khẩu hàng hoá của EU sang Nhật Bản giảm trung bình 1,3%/năm, thì trong năm 2003-2004 xuất khẩu hàng hoá của EU sang Nhật Bản tăng trung bình 5,2%/năm. Năm 2005, tăng trưởng xuất khẩu của EU sang Nhật Bản đạt 0,7%. Chiếm 4,1% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của EU năm 2005, Nhật Bản trở thành bạn hàng xuất khẩu lớn thứ 5 của EU, sau Mỹ, Thuỵ Điển, Nga và Trung Quốc. Nhật Bản hiện nay chiếm 7,36% xuất khẩu nông nghiệp của EU, 5,46% kim ngạch xuất khẩu dệt may, 5,39% xuất khẩu hoá chất, 4,21% xuất khẩu thiết bị vận tải... của EU. Chiếm 6,2% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU năm 2005, Nhật Bản trở thành bạn hàng nhập khẩu lớn thứ 4 của EU, sau Mỹ, Trung Quốc và Nga. Nhập khẩu hàng hoá của EU từ Nhật Bản chủ yếu gồm máy móc và thiết bị vận tải (chiếm 45,1%), sản phẩm hoá chất (15,4%). EU hiện nay cũng là thị trường quan trọng của Nhật Bản, là bạn hàng nhập khẩu lớn thứ 3 và là bạn hàng xuất khẩu lớn thứ hai của Nhật Bản. Năm 2004, EU nhập khẩu 10,2 tỷ Euro từ thị trường Nhật Bản và xuất khẩu 18,9 tỷ Euro sang thị trường Nhật Bản.

Động thái của dòng vốn FDI của vào Nhật Bản có sự thay đổi theo những điều chỉnh chính sách trong nước và trong điều chỉnh quan hệ ngoại giao – kinh tế của hai phía. Nhật Bản hiện là nhà đầu tư chủ yếu ở EU. Năm 2003, 4,1% vốn FDI vào EU xuất phát từ Nhật Bản. Vào cuối năm 2003, Nhật Bản chiếm 5,03% tổng khối lượng vốn FDI vào EU và chiếm 0,6% tổng khối lượng vốn FDI ra của EU. Trong 5 năm qua (2000- 2005), EU trở thành nhà đầu tư quan trọng của Nhật Bản. Vào cuối năm 2003, Nhật Bản chiếm 1,82% tổng khối lượng vốn FDI của EU. Những cải cách trong ngành tài chính, viễn thông đang khuyến khích FDI của EU vào Nhật Bản. Tuy nhiên, cho đến nay Nhật Bản là nước có thu hút FDI từ nước ngoài rất thấp (chỉ chiếm khoảng 2% GDP) so với các nước phát triển khác.

Mối quan hệ thương mại giữa EU và Nhật Bản từ trước đến nay đều nghiêng thặng dư thương mại về phía Nhật Bản. Mặc dù trong những năm gần đây, thặng dư thương mại đã được cân đối, nhưng Nhật Bản vẫn tiếp tục là nước thặng dư thương mại với EU. Với cấu trúc đặc biệt về kinh tế và xã hội, hoạt động thương mại và đầu tư vào Nhật Bản dường như rất khó khăn. Mối quan hệ thương mại EU- Nhật Bản không gặp phải những tranh chấp thương mại nhưng lại bị tác động của môi trường kinh tế kém ưu đãi của Nhật Bản và cuộc suy thoái kinh tế kéo dài ở đất nước này. Từ đầu thập kỷ 1990, đặc biệt là từ sự sụp đổ của "bong bóng tài chính", Nhật Bản bắt đầu có những nỗ lực mở cửa nền kinh tế của mình cho cạnh tranh quốc tế, cải cách cơ cấu kinh tế để đổi mới sản phẩm và hưởng lợi từ môi trường quốc tế. Bắt đầu từ đó, mối quan hệ kinh tế EU-Nhật Bản mới có cơ hội được đẩy mạnh và đầu tư của các nước EU vào Nhật Bản mới bắt đầu khởi sắc, đặc biệt trong các ngành viễn thông,

chế tạo ô tô, thương mại bán lẻ, dịch vụ bảo hiểm.

Là một nước có quyền lực kinh tế lớn trên thế giới, Nhật Bản và EU đang có mối liên kết thương mại và đầu tư mạnh mẽ trong các diễn đàn đa phương với tư cách là những người chơi lớn trên toàn cầu. Năm 1998, Nhật Bản và EU đã tiến hành một cuộc đàm phán song phương nhằm đạt được những thoả thuận chung về các vấn đề liên quan đến các cuộc đàm phán của WTO. Cuộc đàm phán này mang tính chất tích cực và cả hai bên đều xác định những lợi ích chung, từ đó tăng cường hợp tác với nhau hơn nữa trong các diễn đàn đa phương.

Như vậy, sự phát triển kinh tế ở Nhật Bản và EU tiếp tục làm mở rộng mối quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai bên trong thời gian qua. Tuy nhiên, thực tế cho thấy kể từ năm 1995 cho đến nay, cán cân thương mại và tài khoản hiện hành của Nhật Bản luôn đạt con số thặng dư, ngay cả trong tình huống nền kinh tế đang tăng trưởng, vấn đề này đặt ra khó khăn cho việc tiếp cận thị trường Nhật Bản của các công ty nước ngoài. Trong nhiều năm qua, đầu tư của EU vào Nhật Bản tăng, giảm bất thường, nhưng nhìn chung không được cải thiện đáng kể. Để các công ty EU tiếp cận thị trường Nhật Bản một cách tự do hơn nữa, Nhật Bản cần phải điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đồng thời EU cần hoạt động tích cực hơn nữa trong các lần đối thoại song phương và đa phương vì lợi ích chung của cả EU và Nhật Bản.

Trong thời gian gần đây, EU đang nỗ lực điều chỉnh quan hệ rộng hơn với Nhật Bản ra ngoài lĩnh vực hợp tác kinh tế. Để có thể thâm nhập vào thị trường châu Á và phá vỡ chủ nghĩa khu vực đang đông cứng của Nhật Bản, EU đã tìm mọi cách thức để thâm nhập thị trường Nhật Bản bằng cách xoá bỏ những rào cản thương mại, hợp tác kỹ thuật, công nghệ. Khác với Mỹ, EU không sử dụng phương thức đối đầu, mà sử dụng phương thức hợp tác hoà bình, cùng Nhật bản gỡ rối các mối quan hệ và giải quyết các vấn đề của khu vực châu Á. Tuy nhiên, hợp tác EU với Nhật Bản mới chỉ dừng lại trong quan hệ kinh tế và sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản đang có chiều hướng bất lợi cho EU, đòi hỏi EU phải có những giải pháp hữu hiệu hơn nữa để tăng cường hợp tác kinh tế. Các vấn đề như tăng cường biện pháp chống bán phá giá, dỡ bỏ rào cản thương mại, hạn chế cô ta xuất khẩu, bảo hộ nền công nghiệp then chốt... luôn là mối quan tâm chính trong các cuộc đàm phán và thương lượng giữa EU và Nhật Bản trong suốt những năm qua. Bên cạnh đó, những cuộc đối thoại chính trị giữa hai phía cũng bắt đầu được thiết lập thông qua các cuộc đối thoại về an ninh khu vực châu Á- Thái Bình Dương, nhằm đem lại sự hợp tác toàn diện hơn cho EU và Nhật Bản trong bối cảnh Nhật Bản đang muốn tìm kiếm một vị thế chính trị trên trường quốc tế và EU đang nỗ lực xây dựng chính sách đối ngoại và phòng thủ chung.

- Quan hệ kinh tế EU- Hàn Quốc

Chiến lược toàn cầu hoá kinh tế được chính phủ Hàn quốc nhấn mạnh kể từ năm 1996 thông qua những chính sách mở cửa, tự do hoá thương mại và đầu tư, tăng cường tham gia các khối kinh tế thương mại khu vực và toàn cầu. Hàn Quốc đang là một trong những đối trọng cơ bản, cùng với Nhật Bản, Ấn Độ, Trung Quốc và ASEAN tạo nên một khu vực Đông Á năng động. Xét trong khuôn khổ Chiến lược toàn cầu hoá năm 1996 của Hàn Quốc, quan hệ kinh tế EU- Hàn Quốc bắt đầu

bước sang một giai đoạn phát triển cao hơn sau khi "Hiệp định hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong các vấn đề hải quan" có hiệu lực từ năm 1997. Cũng trong năm 1997, "Hiệp định về thu mua trong ngành viễn thông" bắt đầu có hiệu lực, trong đó Hàn Quốc có những thay đổi về việc mở cửa ngành công nghiệp viễn thông cho các công ty đầu tư nước ngoài. Tháng 4 năm 2001, Hàn Quốc và EU đã ký "Hiệp định khung về thương mại và hợp tác", cam kết tăng cường mối quan hệ thương mại và đầu tư, khuyến khích các sáng kiến hợp tác trong các ngành khoa học và kỹ thuật, công nghiệp, môi trường, văn hoá, luật pháp, quan hệ đối nội. Hiệp định này cũng đã đề cập đến các biện pháp thúc đẩy thương mại giữa hai phía. Hai bên đã đạt được Tuyên bố chính trị nhằm chuyên sâu hoá các cuộc đối thoại chính trị giữa EU và Hàn Quốc.

Trong thời gian qua, EU và Hàn Quốc là những đối tác thương mại quan trọng và cùng nhau hợp tác trong các diễn đàn thương mại đa phương. Năm 2006, giá trị trao đổi thương mại song phương EU- Hàn Quốc đạt 61 tỷ Euro. Hàn Quốc hiện nay là đối tác thương mại lớn thứ 4 của EU và EU là đối tác xuất khẩu lớn thứ hai của Hàn Quốc. Xuất khẩu hàng hoá của EU vào Hàn Quốc chủ yếu là máy móc và thiết bị máy móc, thiết bị điện, sản phẩm hoá chất, máy photo, phim ảnh, các thiết bị y tế. Nhập khẩu hàng hoá của EU từ Hàn Quốc chủ yếu là máy móc và thiết bị, thiết bị điện, thiết bị vận tải, máy photo, phim ảnh và các thiết bị y tế.

Với vị trí nằm cạnh Trung Quốc, Hàn Quốc có thể đóng vai trò chủ chốt trong việc đưa khu vực Đông Bắc Á trở thành một trung tâm kinh tế- tài chính lớn và năng động trong khu vực châu Á và trên toàn thế giới. So với các NIEs khác trong khu vực, Hàn Quốc có thái độ cởi mở với dòng FDI chậm hơn, kể từ thập niên 1980. Trong những thập kỷ trước đó, tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc chủ yếu nhờ vào vốn vay nợ nước ngoài và công nghệ nhập khẩu. Chính sách tự do hoá FDI chỉ thực sự được chính phủ chú trọng thông qua *Luật đầu tư nước ngoài và thu hút ngoại hối* năm 1998, với những ưu đãi lớn hơn, mở rộng lĩnh vực đầu tư hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Song song với việc mở rộng hoạt động ngoại thương, dòng vốn FDI đã đem lại cho Hàn Quốc những công nghệ tiên tiến từ Nhật Bản, Mỹ và EU. Sự tiếp nhận chuyển giao công nghệ ở Hàn Quốc là tương đối hiệu quả bởi nền kinh tế này có sự cải thiện về cơ bản chất lượng cơ sở hạ tầng và trình độ học vấn, tay nghề của người lao động. Hàn Quốc có tầm quan trọng chiến lược ở khu vực Đông Bắc Á cả về mặt địa lý và văn hoá, vì vậy luôn giành được sự ưu tiên của các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có EU. Những cam kết cải cách kinh tế của chính phủ Hàn Quốc đã cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư nước ngoài của nước này. Năm 2006, EU là nhà đầu tư lớn nhất của Hàn Quốc, với trị giá vốn FDI vào Hàn Quốc là 5 tỷ Euro, chiếm 45% tổng vốn FDI của Hàn Quốc trong năm 2006. Kể từ năm 1962 cho đến nay, vốn FDI tích luỹ của EU vào Hàn Quốc luôn đạt vị trí thứ nhất trong số các nhà đầu tư nước ngoài vào Hàn Quốc.

Từ năm 2006, trong khuôn khổ chiến lược "Châu Âu toàn cầu, cạnh tranh trong thế giới", Hàn Quốc được đánh giá là một trong những đối tác ưu tiên đàm phán và ký FTA với EU. FTA này được phía EU mong muốn là nhằm đạt được mức độ tự do hoá thương mại cao nhất, bao gồm cả vấn đề tự do hoá hơn nữa ngành dịch vụ và đầu tư. Vào tháng 4 năm 2007, EU bắt đầu đàm phán ký kết FTA với Hàn Quốc.

Tháng 5 năm 2005, Chủ tịch Cao uỷ Thương mại EU Peter Mandelson và Bộ trưởng Thương mại Hàn Quốc Kim Hyun Chong đã cùng nhau công bố các cuộc đàm phán FTA EU – Hàn Quốc ở Xơ-un. Vòng đàm phán FTA lần đầu diễn ra ở Xơ-un từ ngày 7 đến ngày 11 tháng 5 năm 2007. Bốn lĩnh vực chính của cuộc đàm phán là thương mại hàng hoá, dịch vụ, các nguyên tắc, các vấn đề luật pháp và thể chế. Như vậy, EU và Hàn Quốc là những đối tác thương mại quan trọng và cả hai đều nhận thấy nhu cầu cần phải nâng mối quan hệ thương mại này lên một tầm cao mới. Những cố gắng thúc đẩy thương mại song phương thông qua FTA đang nâng cao mức độ hợp tác của EU và Hàn Quốc, huỷ bỏ những rào cản thương mại đang tồn tại, tạo điều kiện hơn nữa để tự do hoá thương mại và đầu tư giữa hai phía.

Nhìn chung, trong quan hệ với Đông Á, EU đạt được rất nhiều lợi ích. Một khi Cộng đồng Kinh tế Đông Á (EAEC) được hình thành, EU sẽ được lợi rất nhiều. Lợi ích trước hết là việc thúc đẩy mạnh hơn nữa mối quan hệ thương mại - đầu tư liên khu vực. Hiện tại, EU đang thúc đẩy ký kết FTA với ASEAN và Hàn Quốc. Một khi FTA EU- ASEAN được ký kết, nó đồng nghĩa với việc thực hiện FTA EU- Trung Quốc bởi khi đó ASEAN và Trung Quốc đã trở thành một thị trường thống nhất khi hoàn thành CAFTA. Chỉ còn riêng Nhật Bản cũng sẽ không thể đứng ngoài cuộc trong xu thế ký kết FTA với EU. Vì vậy, EAEC hình thành sẽ đồng nghĩa với việc EU ký kết FTA với toàn khu vực Đông Á. Lợi ích thứ hai mà EU đạt được từ quá trình hình thành EAEC là việc ra đời đồng tiền chung châu Á trong tương lai sẽ giúp EU cân bằng sức mạnh của đồng Euro so với đồng đô la Mỹ. Đồng tiền chung châu Á sẽ là đồng tiền thứ hai trên thế giới mang tính khu vực. Nó khiến Mỹ phải có những thay đổi chiến lược ngoại giao, chính sách kinh tế của mình để cân bằng lại với EU và Đông Á. Vì vậy, thúc đẩy và nâng tầm mối quan hệ hợp tác kinh tế EU- Đông Á trong thời gian tới là một chiến lược mà cả hai phía cùng vươn tới vì sự hoà bình và thịnh vượng chung cho cả hai khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Xvetlana Glinkina, *Hình thành Liên minh ASEAN qua lăng kính kinh nghiệm của Liên minh châu Âu,* Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3/2007.

2. *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*; Cario Altomonte và Mario Nava (chủ biên); NXB chính trị quốc gia 2004.

3. *Chính sách đối ngoại của EU những năm đầu thế kỷ XXI*; Nguyễn Danh Quỳnh; t/c nghiên cứu châu Âu, số 5/2003.

4. Ngô Hồng Điệp, *Điểm tương đồng và dị biệt giữa ASEAN và EU: Những thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa,* Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 5/2006.

5. Francois Godement, *The security role that Europe should be playing in conflict-pronon Asia,* Euro's World, Summer 2007.

6. *EU-Asia Relations,* External Relations, http://ec.eurpa.eu/external_relations/

7. Julie Gilson, *New Interregionalism? The EU and East Asia,* European Integration, Vol 27, No3,307-326, 9/2005.

8. Eleni P.Demiri, *Reorientation of EU Relations with Asia,* International Relations and European Studies.

9. Markku Heiskanen, *On the Prospects of the role of the EU in North Asia,* www.markku.heisknen@formin.fi

10. Các trang Web: eurostar, OECD.org, Google.com

11. Tài liệu tham khảo đặc biệt năm 2007, 2008.